

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Số: 34

Ngày 03/9/2019

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN MỚI

1. Từ 10/10, thời gian thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân chỉ còn 24 tháng.
2. Tuyên truyền, phổ biến Luật Cảnh sát biển Việt Nam.
3. Năm 2020, biên chế công chức trong cơ quan nhà nước là 251.135 người.
4. Xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.
5. Hướng dẫn mức chi biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục của địa phương.
6. 100% bác sỹ tại bệnh viện đã kê đơn thuốc trên phần mềm quản trị trên toàn quốc.
7. Chi phí thuê tổ chức kiểm tra nghiệm thu công trình xây dựng Nhà nước không được vượt quá 20% chi phí tư vấn giám sát.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Thông tư Quy định về xây dựng, tổ chức và hoạt động của trạm thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Các lĩnh vực được quy định về các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là gì?
2. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước là bao lâu?
3. Có những hình thức xử phạt vi phạm hành chính nào áp dụng đối với hành vi vi phạm chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước?
4. Biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công là gì?

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. TỪ 10/10, THỜI GIAN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THAM GIA CÔNG AN NHÂN DÂN CHỈ CÒN 24 THÁNG

Ngày 23/8/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 70/2019/NĐ-CP quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. Nghị định này quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục tuyển chọn và chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Theo Nghị định, kể từ ngày 10/10/2019, đối tượng được tuyển chọn là công dân nam, nữ trong độ tuổi gọi nhập ngũ đã đăng ký nghĩa vụ quân sự theo quy định Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Công an nhân dân, nếu tự nguyện và Công an nhân dân có nhu cầu thì được xem xét, tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. Thời gian thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân là 24 tháng, trong một số trường hợp đặc biệt thì Bộ trưởng Bộ Công an quyết định kéo dài thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ nhưng không quá 06 tháng.

Nghị định 129/2015/NĐ-CP trước đây quy định thời gian thực hiện

nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân là 03 năm. Bên cạnh đó, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ có thời gian phục vụ tại ngũ từ 15 tháng đến dưới 24 tháng (tính đến thời điểm dự thi), kết quả phân loại hằng năm đạt hoàn thành nhiệm vụ trở lên, bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp trong Công an nhân dân thì được xét, dự tuyển vào các học viện, trường Công an nhân dân theo quy định về tuyển sinh Công an nhân dân, tốt nghiệp ra trường được phong cấp bậc hàm sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp.

Theo quy định cũ, thời gian phục vụ tại ngũ phải từ đủ 24 tháng đến dưới 36 tháng mới đủ điều kiện. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ không thuộc trường hợp quy định trên, hết thời hạn phục vụ tại ngũ có đủ tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu sử dụng của Công an nhân dân, nếu tự nguyện và Công an nhân dân có nhu cầu thì được xét chuyển sang chế độ phục vụ chuyên nghiệp. Tiêu chuẩn và tỷ lệ chuyển sang chế độ phục vụ chuyên nghiệp đối với hạ sĩ quan nghĩa vụ hết hạn phục vụ tại ngũ thực hiện theo quy định của Bộ Công an. Việc xét tuyển phải đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch và công bằng với mọi đối tượng.

2. TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN LUẬT CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM

Ngày 22/8/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1059/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tuyên truyền, phổ biến Luật Cảnh sát biển Việt Nam giai đoạn 2019-2023 (sau đây gọi tắt là Đề án).

Đề án đề ra mục tiêu cụ thể là mọi cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và nhân dân nắm được đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng về quản lý, bảo vệ biển đảo của Tổ quốc; nắm vững những vấn đề cơ bản của Luật Cảnh sát biển Việt Nam, làm chuyên biến nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với sự nghiệp quản lý, bảo vệ biển, đảo của Tổ quốc và trách nhiệm xây dựng Cảnh sát biển Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát biển Việt Nam trong tình hình mới.

Bên cạnh đó là tuyên truyền để các quốc gia trên thế giới và trong khu vực hiểu đầy đủ, chính xác hơn về chính sách, pháp luật quản lý, bảo vệ biển, đảo của Việt Nam nói chung, Luật Cảnh sát biển Việt Nam nói riêng; xây dựng hình ảnh Việt Nam là quốc gia yêu chuộng hòa bình, thành viên của Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982, có trách nhiệm, luôn tôn trọng, thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết quốc tế và sẵn sàng cùng cộng đồng quốc

tế ủng hộ với các thách thức chung, hướng tới mục tiêu giữ gìn vùng biển ổn định, hòa bình, hội nhập và phát triển bền vững. Một trong những nội dung quan trọng của Đề án là biên soạn, phát hành tài liệu tuyên truyền, phổ biến Luật Cảnh sát biển Việt Nam, phát hành đến các ban, bộ, ngành trung ương, địa phương, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và các cơ quan, tổ chức có liên quan; Ban chỉ huy quân sự ở bộ, ngành trung ương và địa phương; nhân dân ở vùng ven biển, hải đảo; lực lượng chức năng thuộc ban, bộ, ngành có liên quan tới biển; cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài; Đại sứ quán các nước ở Việt Nam và lực lượng thực thi pháp luật trên biển của quốc gia khác có quan hệ hợp tác với Cảnh sát biển Việt Nam.

Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, địa phương giúp Chính phủ tổ chức hội nghị tập huấn toàn quốc về chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng về quản lý, bảo vệ biển đảo Tổ quốc; pháp luật Việt Nam, Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và các điều ước quốc tế về biển mà Việt Nam là thành viên; Luật Cảnh sát biển Việt Nam và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật; chủ trì xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao; chủ trì tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Cảnh sát

biên Việt Nam; kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả triển khai thực hiện Đề án. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

3. NĂM 2020, BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC LÀ 251.135 NGƯỜI

Ngày 22/8/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1066/QĐ-TTg về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2020.

Theo Quyết định, tổng biên chế công chức năm 2020 của các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài (không bao gồm biên chế của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; biên chế công chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập và cán bộ, công chức cấp xã), biên chế của các Hội có tính đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước và biên chế công chức dự phòng là 253.517 biên chế. Cụ thể, biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước là 251.135 biên chế; các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài là 1.068 biên chế; tổng biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước là 686 biên chế và biên chế công chức dự phòng là 628 biên chế.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ có trách nhiệm giao biên chế công chức đối với từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong số biên chế công chức nêu trên; giao biên chế công chức đối với từng cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong tổng số biên chế công chức quy định nêu trên; giao biên chế đối với từng Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước trong tổng biên chế quy định nêu trên. Các bộ, ngành và địa phương thực hiện điều chuyển, sắp xếp trong tổng biên chế được giao khi thành lập tổ chức mới hoặc được giao nhiệm vụ mới và thực hiện tinh giản biên chế theo quy định. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

4. XỬ LÝ NGHIÊM CÁC HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Ngày 22/8/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1068/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược).

Mục tiêu của Chiến lược đặt ra là đến năm 2030, Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu ASEAN về trình độ sáng tạo, bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ; việc xác lập quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng bảo

đảm nhanh chóng, minh bạch, công bằng, đáp ứng kịp thời yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội; hiệu quả thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ được nâng cao rõ rệt, tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giảm đáng kể...Để thực hiện mục tiêu trên, Chiến lược đã vạch rõ các nhiệm vụ về hoàn thiện chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; tập trung đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ; thúc đẩy các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ; khuyến khích, nâng cao hiệu quả khai thác tài sản trí tuệ; phát triển các hoạt động hỗ trợ về sở hữu trí tuệ; tăng cường nguồn nhân lực cho hoạt động sở hữu trí tuệ; hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội; tích cực, chủ động hợp tác và hội nhập quốc tế về sở hữu trí tuệ.

Trong đó, đáng chú ý là việc tăng cường phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và với các cơ quan tư pháp trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; phối hợp nghiên cứu về việc tăng cường vai trò của tòa án trong giải quyết các vụ việc về sở hữu trí tuệ. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường kỹ thuật số. Tích

cực và chủ động phát hiện, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm về sở hữu trí tuệ; nâng cao hiệu quả công tác điều tra các vụ án hình sự về sở hữu trí tuệ. Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chủ động tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình. Mở rộng xã hội hóa đi đôi với nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ tư pháp về sở hữu trí tuệ; phát triển đội ngũ giám định viên sở hữu trí tuệ; thúc đẩy sự phát triển dịch vụ giám định sở hữu trí tuệ và dịch vụ tư vấn pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Thúc đẩy hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo kết hợp với các hình thức đầu tư mạo hiểm nhằm ươm tạo các tài sản trí tuệ từ khâu hình thành ý tưởng, nghiên cứu, phát triển tài sản trí tuệ đến sản xuất thử nghiệm, hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp hoàn thiện công nghệ, tạo ra sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Triển khai hiệu quả cơ chế khuyến khích các cá nhân tham gia vào quá trình đổi mới công nghệ và sáng tạo văn hóa. Hướng dẫn doanh nghiệp tạo dựng và khai thác hiệu quả các chỉ dẫn thương mại cho sản phẩm, dịch vụ của mình; hỗ trợ đăng ký bảo hộ các chỉ dẫn địa lý tiềm năng.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

5. HƯỚNG DẪN MỨC CHI BIÊN SOẠN, THẨM ĐỊNH TÀI LIỆU GIÁO DỤC CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Ngày 15/8/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 51/2019/TT-BTC hướng dẫn xây dựng dự toán, thanh quyết toán kinh phí biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục của địa phương thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; có hiệu lực kể từ ngày 30/9/2019.

Thông tư hướng dẫn mức chi biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục của địa phương tối đa như sau: chi thù lao cho tác giả 450.000 đồng/tiết; thù lao cho chủ biên 50.000 đồng/tiết; thù lao cho tổng chủ biên 35.000 đồng/tiết. Đối với minh họa tài liệu, thù lao trang bìa tối đa 350.000 đồng/bìa; thù lao can, vẽ kỹ thuật tối đa 15.000 đồng/hình; thù lao vẽ hình minh họa có tính nghệ thuật tối đa 200.000 đồng/hình. Chủ tịch ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh quyết định tổ chức hoàn thiện tài liệu giáo dục của địa phương, tối đa không quá 3 ngày cho một lần tổ chức. Trong thời gian tập trung để hoàn thiện tài liệu được chi các nội dung sau: chi thù lao cho tác giả, biên tập viên tối đa 110.000 đồng/người/ngày; chi phụ cấp tiền ăn 200.000 đồng/người/ngày; tiền nước uống 40.000 đồng/người/ngày... Số lần tổ chức hoàn thiện tài liệu không quá 3 lần. Sở giáo dục và đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan

xây dựng kế hoạch và lập dự toán kinh phí biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục của địa phương theo nguồn ngân sách, gửi sở tài chính xem xét, tổng hợp báo cáo UBND cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán chi ngân sách nhà nước, quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương; căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, UBND cấp tỉnh giao Sở giáo dục và đào tạo chủ trì phối hợp với sở tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng phương án phân bổ dự toán kinh phí biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục của địa phương cho các đơn vị sử dụng ngân sách, gửi sở tài chính tổng hợp báo cáo UBND để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

6. 100% BÁC SỸ TẠI BỆNH VIỆN ĐÃ KÊ ĐƠN THUỐC TRÊN PHẦN MỀM QUẢN TRỊ TRÊN TOÀN QUỐC

Với mục tiêu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin nhằm kiểm soát kê đơn thuốc điện tử bảo đảm việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả và từng bước quản lý việc kê đơn và bán thuốc theo đơn; giúp cơ quan quản lý, cơ sở khám chữa bệnh quản trị tốt hơn việc kê đơn của người hành nghề khám

bệnh, chữa bệnh đồng thời góp phần hiện đại hóa ngành y tế, tiến tới hội nhập quốc tế. Ngày 21/8/2019, Bộ Y tế ban hành Quyết định số 3680/QĐ-BYT về việc phê duyệt Đề án “Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin nhằm kiểm soát, quản lý đơn thuốc điện tử” (sau đây gọi tắt là Đề án); có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Theo đó, tại các bệnh viện, 100% các bác sỹ đã kê đơn thuốc bằng máy tính trên phần mềm quản trị bệnh viện, việc kê đơn thuốc trên máy tính được áp dụng cho cả người bệnh nội trú và ngoại trú. Tuy nhiên, đơn thuốc của mỗi bệnh viện có một định dạng chuẩn dữ liệu khác nhau và không đồng nhất khối dữ liệu khó liên thông ra ngoài cơ sở khám chữa bệnh. Để thực hiện được Hệ thống đơn thuốc điện tử trên phạm vi toàn quốc cần một lộ trình dự kiến trong thời gian 01 năm. Giai đoạn thử nghiệm (03 tháng) áp dụng tại một số địa phương sau đó sẽ được triển khai áp dụng đồng thời ở các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Nhà nước và tư nhân trên phạm vi toàn quốc.

Cụ thể, giai đoạn 1 ba tháng đầu tiên từ khi Đề án triển khai sẽ tổ chức xây dựng các văn bản pháp quy và đồng thời triển khai thí điểm ở một số Sở y tế, cơ sở khám chữa bệnh để rút kinh nghiệm. Ba tháng tiếp theo là giai đoạn 2 tổ chức hội thảo sơ kết rút kinh nghiệm việc triển khai thí điểm; tiếp tục hoàn thiện các thủ tục

văn bản pháp lý và các quy định cho Hệ thống đơn thuốc điện tử; từng bước chính thức đưa ứng dụng công nghệ thông tin nhằm kiểm soát, quản lý kê đơn thuốc điện tử. Sau đó, đưa việc triển khai Hệ thống đơn thuốc điện tử vào thực tế, tiến hành ấn nút liên thông khai trương các cổng liên thông lên kho đơn thuốc điện tử Quốc gia; triển khai truyền thông trên phạm vi toàn quốc, tập huấn các cơ sở hành nghề y dược và người hành nghề y và dược về phần mềm và yêu cầu sử dụng; kết nối liên thông các phần mềm của nhiều nhà cung cấp vào Kho đơn thuốc điện tử. Cuối cùng, giai đoạn 3 và 4 là 6 tháng tiếp theo của Đề án thực hiện đôn đốc, nhắc nhở các cơ sở khám chữa bệnh, người hành nghề trong việc sử dụng hệ thống đơn thuốc điện tử; hoàn thiện việc đánh giá số lượng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và người hành nghề đã sử dụng hệ thống đơn thuốc điện tử; hoàn thiện việc đánh giá số lượng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và người hành nghề đã sử dụng hệ thống đơn thuốc điện tử.

7. CHI PHÍ THUÊ TỔ CHỨC KIỂM TRA NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC KHÔNG ĐƯỢC VƯỢT QUÁ 20% CHI PHÍ TƯ VẤN GIÁM SÁT

Ngày 16/8/2019, Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 04/2019/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 26/2016/TT-

BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; có hiệu lực thi hành từ 01/10/2019.

Theo Thông tư mới sửa đổi, chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng là một thành phần chi phí thuộc khoản mục chi phí khác và được dự tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình. Đối với công trình sử dụng vốn Nhà nước, chi phí thuê tổ chức tham gia thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng không vượt quá 20% chi phí tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình. Thông tư cũng bổ sung quy định mới với trường hợp hạng mục công trình, công trình xây dựng có nhiều nhà thầu chính tham gia thi công, chủ đầu tư có thể tổ chức nghiệm thu và

lập biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng với từng nhà thầu chính thi công xây dựng. Bên cạnh đó, Thông tư còn quy định cụ thể tổ chức, cá nhân thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình phải lập báo cáo về công tác giám sát thi công xây dựng công trình gửi chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan đối với những nội dung trong báo cáo này; báo cáo được lập trong các trường hợp sau: báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng (chủ đầu tư quy định việc lập báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng và thời điểm lập báo cáo); báo cáo khi tổ chức nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành gói thầu, hạng mục công trình, công trình xây dựng.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG, TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRẠM THU PHÍ DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

Bộ Giao thông vận tải đang tổ chức lấy ý kiến góp ý dự thảo Thông tư Quy định về xây dựng, tổ chức và hoạt động của trạm thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ.

Theo dự thảo, đơn vị thu phí phải xây dựng quy trình thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ phù hợp với

công nghệ thu đang áp dụng tại trạm thu phí và quy định nội bộ về kiểm tra, xử lý vi phạm, xử lý sự cố trong quá trình thực hiện thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ. Phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương nơi đặt trạm thu phí để giữ gìn an ninh, trật tự trong quá trình thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ, đảm bảo an toàn giao thông, tránh ùn tắc giao thông, bảo đảm không xảy ra các hiện tượng tiêu cực, cản trở, gây

phiền hà trong hoạt động thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ; xử lý kịp thời các hành vi gian lận (không mua vé, sử dụng vé giả, quay vòng vé, vé không đúng chủng loại) trong quá trình thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ. Thực hiện thông báo công khai liên tục trước 5 ngày và niêm yết công khai tại trạm thu phí khi bắt đầu tổ chức thu về thời điểm bắt đầu được thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ, địa điểm trạm thu phí, công nghệ thu, hình thức thu, đối tượng thu, mức thu và đối tượng được miễn, giảm tiền dịch vụ sử dụng đường bộ. Trong trường hợp có thay đổi về mức thu, công nghệ thu, hình thức thu, đối tượng thu thì đơn vị thu phải thông báo công khai và niêm yết tương tự như khi bắt đầu tổ chức thu trước 30 ngày. Hình thức thông báo công khai bao gồm đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương và Trung ương, đồng thời gửi thông báo đến Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam. Bên cạnh đó, định kỳ sao lưu dữ liệu thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ để phục vụ công tác

giám sát, hậu kiểm. Dữ liệu của hệ thống quản lý thu bao gồm: các tập tin cơ sở dữ liệu, các tập tin hình ảnh chụp phương tiện lưu thông qua trạm, các tập tin video liên tục giám sát làn phải được sao lưu dưới dạng tập dữ liệu và lưu giữ tối thiểu 05 năm. Các tập tin video giám sát cabin và giám sát toàn cảnh phải được sao lưu dưới dạng tập dữ liệu và lưu giữ tối thiểu 1 năm...

Ngoài ra, ban soạn thảo còn đề xuất các quy định về xây dựng, tổ chức và hoạt động của trạm thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc cho phép thành lập, tổ chức thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ trên hệ thống đường bộ ở Việt Nam... Đến nay, Bộ Giao thông vận tải đã hoàn thiện bản dự thảo Thông tư quy định về xây dựng, tổ chức và hoạt động của trạm thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ gửi văn bản tới các bộ, ngành, địa phương có liên quan và đăng tải trên website để lấy ý kiến góp ý bổ sung hoàn chỉnh dự kiến trình Chính phủ vào Quý IV/2019.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Các lĩnh vực được quy định về các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là gì?

Trả lời: Theo Điều 1, Nghị định số 63/2019/NĐ-CP Chính phủ ban hành ngày 11/7/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc

nhà nước có quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực sau đây: quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; Kho bạc nhà nước.

2. Hỏi: Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước là bao lâu?

Trả lời: Theo Điều 3, Nghị định số 63/2019/NĐ-CP Chính phủ ban hành ngày 11/7/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước có quy định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước quy định tại Nghị định này là 01 năm. Riêng các hành vi vi phạm hành chính đối với tài sản công là nhà, đất và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thì thời hiệu xử phạt là 02 năm.

3. Hỏi: Có những hình thức xử phạt vi phạm hành chính nào áp dụng đối với hành vi vi phạm chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước?

Trả lời: Theo Điều 4, Nghị định số 63/2019/NĐ-CP Chính phủ ban hành ngày 11/7/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước có quy định những hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước như sau: hình thức xử phạt chính (cảnh cáo và phạt tiền); hình thức xử phạt bổ sung. Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước là 50.000.000 đồng đối với cá nhân và 100.000.000 đồng đối với tổ chức; mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

4. Hỏi: *Biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công là gì?*

Trả lời: Theo Điều 4, Nghị định số 63/2019/NĐ-CP Chính phủ ban hành ngày 11/7/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước có quy định biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công tùy theo tính chất, tính chất, mức độ vi phạm mà tổ chức, cá nhân vi phạm ngoài hình thức xử phạt chính và bổ sung còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả như: buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản; buộc nộp lại số tiền do thực hiện hành vi vi phạm hành chính gây ra; buộc hoàn trả lại tài sản, trường hợp tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra thì phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả bằng tiền hoặc trả bằng tài sản khác có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu; buộc phá dỡ công trình đã xây dựng trên phần diện tích lấn chiếm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; buộc hủy các báo cáo kê khai bị khai man, giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định trong việc đăng nhập, sử dụng

số liệu về tài sản công; buộc điều chỉnh, bổ sung số liệu, thông tin, báo cáo kê khai bổ sung về tài sản công./.